

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

**QUY CHẾ
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
VÀ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ
VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC**

(Ban hành theo Quyết định số 10/QĐ-HĐTV-CTY ngày 01/11/2013
của Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên
Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè)

Tháng 11 năm 2013

Số: 10 /QĐ-HĐTV-CTY

Nhà Bè, ngày 01 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính
và quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 117/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 05 tháng 08 năm 2010 về hướng dẫn cơ chế tài chính của Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2010 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty dịch vụ công ích Nhà Bè thành Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè;

Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thành viên số 11./BB-HĐTV-CTY ngày 01./11./2013;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành “Quy chế quản lý tài chính và quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác” kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám đốc, các ông (bà) Trưởng phòng, ban, đội, toàn thể cán bộ, công nhân viên và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Hội đồng thành viên” thay b/c”;
- Kiểm soát viên;
- Lưu: VT.



Nhà Bè, ngày 01 tháng 11 năm 2013

QUY CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /QĐ-HĐTV-CTY
ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng thành viên Công ty)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Điều khoản chung

- Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, tự chủ về mặt tài chính và chịu trách nhiệm hữu hạn trước pháp luật về các khoản nợ trong phạm vi số vốn của Công ty;
- Công ty được mở tài khoản giao dịch bằng tiền đồng Việt Nam và bằng ngoại tệ tại các Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước ở Việt Nam;
- Giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và pháp luật về quản lý tài chính tại đơn vị mình;
- Công ty chịu sự kiểm tra, giám sát và thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo của các cơ quan quản lý Nhà nước và Kiểm soát viên;
- Nguyên tắc chung trong quản lý thu chi: Mọi hoạt động thu, chi tại Công ty phải tuân thủ theo quy định của pháp luật và phải được quản lý chặt chẽ:
 - + Các khoản thu, chi phát sinh bằng ngoại tệ phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại tệ của nhà nước đồng thời phải quy đổi ra tiền VND theo tỷ giá bán ra trên thị trường liên ngân hàng để hạch toán.
 - + Các khoản thu, chi phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ quy định về phân cấp, quy trình, thủ tục, định mức, hoá đơn chứng từ, hồ sơ. Các Phòng, Ban, Đội và cá

nhân lập chứng từ thu chi không đúng quy định và người quyết định thu, chi sai chế độ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi hoàn thiệt hại (nếu có).

Điều 2. Nguyên tắc quản lý tài chính

- Công ty thực hiện theo các quy định về quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và Điều lệ Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè (sau đây gọi tắt là Điều lệ Công ty).

- Công ty thực hiện theo nguyên tắc quản lý tài chính tập trung.

- Công ty chịu sự kiểm tra, giám sát về mặt tài chính của các cơ quan quản lý Nhà nước, Kiểm soát viên theo quy định pháp luật, nội dung quy định trong Điều lệ Công ty và quy chế này.

Điều 3. Quyền quản lý tài chính của Công ty

- Sử dụng vốn của Công ty để phục vụ các nhu cầu về sản xuất, kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn vốn và sinh lời.

- Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không còn phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh hoặc chưa sử dụng hết công suất và thanh lý tài sản đã hết giá trị sử dụng.

- Được cầm cố, thế chấp các tài sản, giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất thuộc quyền quản lý của Công ty theo quy định của pháp luật.

- Quyết định và phân phối phân lợi nhuận sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước; lập và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

- Công ty trực tiếp vay vốn ngân hàng, các tổ chức, các tổ chức tín dụng và cá nhân.

- Có quyền sử dụng ngoại tệ thu được theo chế độ quản lý ngoại hối hiện hành của Nhà nước.

- Công ty có các quyền khác về tài chính theo Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty

- Thực hiện đúng chế độ về quản lý vốn, tài sản, phân chia các quỹ, hạch toán, thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các báo cáo tài chính của Công ty.

- Bảo toàn và phát triển vốn.

- Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

CHƯƠNG II

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN

Điều 5. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ là mức vốn cần thiết để duy trì và bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong điều kiện bình thường, phù hợp với quy mô, chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty và được ghi trong điều lệ của Công ty. Vốn điều lệ của Công ty được xác định tại thời điểm chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ công ích Nhà Bè thành Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè là: 11.116.000.000 đồng (mười một tỷ, một trăm mười sáu triệu đồng). Hiện nay, vốn điều lệ được điều chỉnh là 11.386.740.862 đồng.

- Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và nguồn bổ sung vốn điều lệ, Công ty khi có nhu cầu tăng vốn điều lệ thì lập thủ tục đề nghị tăng vốn điều lệ theo các quy định hiện hành trình chủ sở hữu xem xét. Mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng thêm được xác định tối thiểu cho 03 năm kể từ năm quyết định điều chỉnh vốn điều lệ.

- Vốn điều lệ của Công ty chỉ được sử dụng cho mục đích hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp vốn, liên doanh, thực hiện các hình thức đầu tư tài chính khác.

Điều 6. Bảo toàn vốn

- Mọi biến động về tăng, giảm vốn tại Công ty, Công ty phải báo cáo chủ sở hữu và cơ quan tài chính để theo dõi, giám sát.

- Định kỳ 06 tháng, hàng năm Công ty phải đánh giá hiệu quả sử dụng vốn thông qua chỉ tiêu mức độ bảo toàn vốn. Hệ số bảo toàn vốn được xác định như sau :

$$H = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm báo cáo}}{\text{Vốn chủ sở hữu của Công ty cuối kỳ trước liền kề với kỳ báo cáo}}$$

Trong trường hợp $H < 1$ thì Hội đồng thành viên phải có báo cáo giải trình rõ nguyên nhân không bảo toàn được vốn, hướng khắc phục trong thời gian tới gửi chủ sở hữu và chịu trách nhiệm về tình hình tài chính của Công ty.

- Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn bằng các biện pháp sau đây:

+ Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

+ Mua bảo hiểm tài sản để bù đắp cho những rủi ro bất khả kháng.

+ Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây :

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn;
- Các biện pháp khác về bảo toàn vốn tại Công ty theo quy định của pháp luật.
- Việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn, bảo hành sản phẩm, công trình xây lắp tại Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- Việc chuyển lỗ thực hiện theo qui định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Điều 7. Huy động vốn

1. Hình thức huy động vốn: Vay vốn của các tổ chức ngân hàng, tín dụng, các tổ chức tài chính khác, của cá nhân, tổ chức ngoài Công ty, vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo qui định hiện hành của pháp luật.

2. Nguyên tắc huy động vốn:

- Việc huy động vốn phải đảm bảo khả năng thanh toán nợ và có phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Người phê duyệt phương án huy động vốn phải chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đảm bảo vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả.

- Việc vay vốn của cá nhân, tổ chức kinh tế: Công ty phải ký hợp đồng vay vốn với tổ chức kinh tế, cá nhân cho vay theo qui định pháp luật; mức lãi suất vay vốn tối đa không vượt quá mức lãi suất cho vay cùng thời hạn của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch tại thời điểm vay vốn ; Trường hợp doanh nghiệp mở tài khoản giao dịch ở nhiều ngân hàng thì mức lãi suất huy động vốn trực tiếp tối đa không được vượt quá lãi suất cho vay cao nhất cùng thời hạn của ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản giao dịch.

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án huy động vốn:

- Công ty được quyền chủ động huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh trong phạm vi hệ số nợ phải trả trên vốn điều lệ của Công ty không vượt quá 3 lần. Trong đó Hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty quyết định các phương án huy động vốn không vượt quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ nhỏ hơn được qui định trong điều lệ của doanh nghiệp.

- Trong trường hợp Công ty có nhu cầu huy động vốn vượt qui định để đầu tư các dự án quan trọng thì phải báo cáo chủ sở hữu xem xét quyết định trên cơ sở các dự án huy động vốn phải đảm bảo khả năng trả nợ và có hiệu quả.

4. Thuê tài chính: Công ty được quyền huy động vốn thông qua hình thức thuê tài chính để đầu tư tài sản cố định, với điều kiện mức lãi suất không cao hơn mức lãi suất cho vay cùng thời điểm của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch tại thời điểm huy động vốn.

Điều 8. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty

- Công ty được quyền sử dụng vốn, tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty để đầu tư ra ngoài Công ty. Việc đầu tư ra ngoài Công ty liên quan đến đất đai phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai.

- Việc đầu tư vốn của Công ty vào doanh nghiệp khác tuân thủ theo qui định của pháp luật, phù hợp với chiến lược, qui hoạch, kế hoạch phát triển của Công ty không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính của Công ty được chủ sở hữu giao và đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập và không làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của Công ty.

- Doanh nghiệp không góp vốn hoặc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản (trừ những doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh chính là lĩnh vực bất động sản), không được góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán, trừ những trường hợp đặc biệt theo Quyết định của Thủ tướng chính phủ.

- Công ty không được tham gia góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty đó; Không góp vốn hoặc mua cổ phần tại Quỹ đầu tư mạo hiểm, Quỹ đầu tư chứng khoán hoặc Công ty đầu tư chứng khoán.

- Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty:

+ Góp vốn để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, công ty liên doanh, góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới;

+ Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty hợp danh;

- + Mua lại một Công ty khác;
- + Mua công trái, trái phiếu;
- + Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.
- Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp :
 - + Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định các dự án đầu tư ra ngoài công ty sau khi đã được chủ sở hữu phê duyệt chủ trương.
 - + Chủ sở hữu doanh nghiệp quyết định việc góp vốn liên doanh với nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; đầu tư hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp ở nước ngoài ; quyết định việc mua lại doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác nhau ; đầu tư vào doanh nghiệp được thành lập để thực hiện chủ yếu, thường xuyên, ổn định các sản phẩm, dịch vụ công ích, phục vụ quốc phòng, an ninh ; quyết định các dự án đầu tư tài chính khác còn lại không thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN TẠI CÔNG TY

Điều 9. Tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, tài sản cố định thuê tài chính và bất động sản đầu tư.

- Công ty có quyền thay đổi cơ cấu tài sản phục vụ cho việc phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Việc mua sắm, đầu tư xây dựng mới, cải tạo mở rộng tài sản cố định phải tuân thủ theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Công ty, đồng thời đảm bảo hiệu quả kinh tế khả thi được thẩm định từ việc đầu tư.

- Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng mua sắm tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp, nhưng không quá mức dự án nhóm B theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư do Hội đồng thành viên, chủ tịch công ty quyết định. Trong trường hợp, các dự án đầu tư, xây dựng trên mức quyết định của Hội đồng thành viên, chủ tịch công ty thì Hội đồng thành viên, chủ tịch phải báo cáo chủ sở hữu Công ty quyết định.

- Đầu tư, mua sắm phương tiện đi lại phục vụ hoạt động của doanh nghiệp: các chức danh là Viên chức quản lý doanh nghiệp sử dụng phương tiện đi lại đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc, sử dụng phương tiện đi lại khi đi công tác, sử dụng phương tiện đi lại

phục vụ công tác chung của doanh nghiệp thực hiện theo qui định của Thủ tướng Chính phủ. Việc trang bị hoặc thay thế phương tiện đi lại do Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định. Trường hợp ủy quyền cho Giám đốc quyết định việc trang bị mới phương tiện đi lại phải được sự thống nhất của Hội đồng thành viên.

Điều 10. Cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản.

- Công ty có quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Nhà nước;

- Hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản có giá trị dưới 50% vốn điều lệ của Công ty.

- Đối với tài sản cho thuê hoạt động, Công ty phải trích khấu hao, mức trích khấu hao do Giám đốc quyết định theo quy định của Bộ Tài chính.

- Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản của Công ty để thế chấp, cầm cố để vay vốn thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 7 của Quy chế này.

- Đối với những tài sản trực tiếp phục vụ nhiệm vụ công ích khi cho thuê, cầm cố, thế chấp phải được sự đồng ý của chủ sở hữu.

- Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật.

Điều 11. Việc trích, sử dụng tiền khấu hao tài sản cố định.

- Tất cả tài sản cố định hiện có của Công ty đều phải trích khấu hao, gồm cả tài sản cố định không cần dùng, chờ thanh lý, trừ những tài sản cố định thuộc công trình phúc lợi công cộng. Đối với các tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh thì không phải trích khấu hao nữa;

- Khấu hao tài sản cố định dựa trên nguyên tắc khấu hao nhanh, thu hồi vốn nhanh để tái đầu tư, thay đổi công nghệ;

- Chi phí khấu hao tài sản cố định được hạch toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam;

- Đối với những tài sản cố định chưa khấu hao hết đã hư hỏng, mất mát phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý, bồi thường. Hội đồng thành viên quyết định mức bồi thường. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản với tiền bồi thường và giá trị thu hồi được hạch toán vào chi phí khác của Công ty;

- Toàn bộ vốn do trích khấu hao tài sản cố định được dùng để tái đầu tư, thay thế, đổi mới tài sản và sử dụng vốn cho nhu cầu kinh doanh. Giám đốc Công ty sử dụng vốn

khấu hao, các loại vốn và quỹ để đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch đã được Hội đồng thành viên phê duyệt;

Điều 12. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

- Công ty chủ động nhượng bán, thanh lý để thu hồi vốn đối với tài sản lạc hậu kỹ thuật, tài sản hư hỏng không phục hồi được, tài sản đã hết thời gian sử dụng, tài sản không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được và các khoản đầu tư tài chính không có nhu cầu tiếp tục đầu tư để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn.

- Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại dưới 50% vốn điều lệ của Công ty nhưng không vượt quá mức dự án nhóm B. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty được quyết định ủy quyền hoặc phân cấp cho Giám đốc quyết định nhượng bán, thanh lý tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty. Các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty hoặc nhượng bán tài sản trực tiếp phục vụ nhiệm vụ công ích thì Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty phải báo cáo chủ sở hữu Công ty quyết định.

- Khi nhượng bán, thanh lý tài sản, vật tư phải lập Hội đồng thanh lý để xác định tình trạng kỹ thuật và giá trị, thông báo rộng rãi việc bán tài sản và tổ chức bán đấu giá công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản (khi thấy cần thiết). Trường hợp nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại ghi trên sổ kế toán dưới 100 triệu đồng, Giám đốc quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp tài sản cố định không có giao dịch trên thị trường thì doanh nghiệp được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo các phương thức trên.

- Hạch toán nguyên giá, giá trị còn lại và chi phí thanh lý nhượng bán tài sản phải tuân thủ chế độ kế toán hiện hành.

- Riêng trường hợp tài sản cố định mới đầu tư do không mang lại hiệu quả kinh tế theo như phương án phê duyệt ban đầu. Công ty không có nhu cầu tiếp tục khai thác sử dụng mà việc nhượng bán tài sản không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư dẫn tới Công ty không trả được nợ vay theo khế ước hoặc hợp đồng vay vốn thì phải làm rõ trách nhiệm của những người có liên quan để báo cáo chủ sở hữu xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Xử lý tổn thất tài sản

Khi xảy ra tổn thất tài sản (mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém phẩm chất, làm giảm giá trị của tài sản) Công ty phải tiến hành xác định nguyên nhân, mức độ tổn thất, quy trách nhiệm và lập phương án xử lý theo các nguyên tắc sau:

- Đối với những tổn thất do nguyên nhân chủ quan thì cá nhân, tập thể gây ra tổn thất phải bồi thường;

+ Mức thiệt hại dưới 50 triệu đồng: Giám đốc quyết định xử lý;

+ Mức thiệt hại từ 50 triệu đồng trở lên: do Hội đồng thành viên quyết định xử lý theo đề nghị của Giám đốc;

- Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Công ty. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hoạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Đối với những tổn thất do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng thì thông báo cho đơn vị bảo hiểm xử lý bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm (đối với tài sản có mua bảo hiểm) hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng Công ty không thể tự khắc phục được thì Hội đồng thành viên lập phương án xử lý tổn thất trình chủ sở hữu quyết định (đối với tài sản không có mua bảo hiểm).

Điều 14. Kiểm kê tài sản

Công ty phải tổ chức kiểm kê, xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu khi khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm. Đối với tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

Việc kiểm kê tài sản phải được thực hiện hằng năm ít nhất một lần. Ngoài ra, khi có yêu cầu từ Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên thì việc kiểm kê phải được tiến hành theo kế hoạch.

Điều 15. Đánh giá lại giá trị tài sản

Kiểm kê đánh giá lại giá trị tài sản theo quy định của Nhà nước.

Việc kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản phải theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và có sự chứng nhận của đơn vị kiểm toán. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị tài sản do đánh giá lại được thực hiện theo qui định của Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 16.

Hội đồng nhượng bán tài sản, Hội đồng thanh lý tài sản, Hội đồng kiểm kê tài sản, Hội đồng nghiệm thu, Hội đồng đánh giá lại tài sản do Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc quyết định trong phạm vi thẩm quyền.

Điều 17. Quản lý hàng tồn kho

- Hàng tồn kho là hàng hoá mua về để bán còn tồn kho, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán và hàng hóa tại kho người bán chưa nhận về kho.

- Công ty có trách nhiệm kiểm tra, xử lý ngay những hàng hoá tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn.

- Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định hiện hành.

Điều 18. Quản lý các khoản nợ phải thu

- Giao Giám đốc ban hành Quy chế thu hồi công nợ, Kế hoạch thu hồi công nợ đối với từng loại công nợ cụ thể, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ.

- Công ty tổ chức quản lý nợ phải thu khó đòi theo các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý, xử lý nợ tồn đọng, mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ, thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), đối chiếu công nợ, đôn đốc thu hồi nợ.

- Công ty được quyền bán các khoản nợ phải thu để thu hồi vốn theo quy định của pháp luật, gồm cả khoản nợ phải thu trong hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được. Giá bán các khoản nợ do hai bên thỏa thuận.

- Nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ quá hạn thanh toán theo quy định ghi trên hợp đồng hoặc các cam kết khác hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng đối tượng thiếu nợ khó có khả năng thanh toán. Công ty phải trích lập quỹ dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

- Đối với các khoản nợ không có khả năng thu hồi, Công ty có trách nhiệm xử lý. Số nợ không có khả năng thu hồi được sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan được bù đắp bằng các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính. Nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty.

- Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về các khoản nợ phải thu của Công ty. Khi ký hợp đồng phải tính toán khả năng thanh toán, thời hạn thanh toán và hiệu quả kinh tế của từng hợp đồng.

- Các tổn thất do không thu hồi nợ kịp thời, đầy đủ, do nguyên nhân chủ quan gây ra, cá nhân, tập thể liên quan vi phạm phải bồi thường. Hội đồng thành viên quyết định mức bồi thường hoặc ủy quyền cho Giám đốc quyết định.

- Xử lý các khoản nợ khó đòi phải có đủ căn cứ tài liệu chứng minh, tổng hợp và giải trình trong báo cáo tài chính hàng năm. Số công nợ thực sự không đòi được đã được xử lý, kế toán phải tiếp tục theo dõi trên sổ kế toán (ngoài bảng cân đối kế toán) để khi thu được nợ phải hạch toán vào thu nhập của Công ty.

Điều 19. Công nợ tạm ứng

- Tạm ứng là việc ứng trước một khoản tiền cho cán bộ công nhân viên nhằm giải quyết các công việc phát sinh thường xuyên hoặc giải quyết một vụ việc cụ thể nào đó đã được Lãnh đạo đơn vị phê duyệt.

- Bộ phận, cá nhân tạm ứng chỉ được chi tiêu tiền đã tạm ứng theo đúng mục đích và nội dung công việc đã được phê duyệt.

- Đối với khoản tạm ứng mang tính chất thường xuyên như: chi phí nhiên liệu cho xe, vé cầu, phà, chi phí điện, nước, hoa tươi, trà nước tiếp khách, văn phòng phẩm... Định kỳ hoặc sau khi có chứng từ các khoản chi thực tế đã phát sinh, Phòng, Ban và Đội tạm ứng tiền lập Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng để thanh toán số tiền đã chi.

- Đối với khoản tạm ứng cho một công việc cụ thể, căn cứ dự toán được duyệt hoặc từng công việc phát sinh đã được lãnh đạo đơn vị đồng ý, cá nhân (bộ phận) thực hiện tiến hành các thủ tục tạm ứng tiền. Sau khi công việc đã hoàn tất, chậm nhất là 5 ngày cá nhân (bộ phận) đã tạm ứng phải làm thủ tục thanh quyết toán tạm ứng.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc thanh toán các khoản công nợ tạm ứng.

- Các đối tượng có biểu hiện dây dưa công nợ thì phải giải quyết dứt điểm công nợ cũ mới được tiếp tục tạm ứng mới. Trường hợp dây dưa công nợ quá 02 tháng Phòng Tài chính - Kế toán phải báo cáo Giám đốc để xử lý.

- Trường hợp phát hiện người tạm ứng chiếm đoạt tiền tạm ứng, Phòng Tài chính - Kế toán phải báo cáo ngay cho lãnh đạo đơn vị để xử lý kịp thời.

Điều 20. Quản lý tiền mặt tại quỹ

- Chỉ được duy trì số lượng tiền mặt trong két sắt để chi các khoản chi tiêu hàng ngày không được vượt quá 50 triệu đồng. Trường hợp phát sinh các khoản chi tiêu đột

xuất lớn hơn hạn mức cho phép, thì các Phòng, Ban và Đội phải báo cho Phòng Tài chính - Kế toán trước 01 ngày để kịp thời rút tiền đáp ứng chi tiêu.

- Chủ động thu, chi bằng tiền mặt theo đúng chế độ quy định của Công ty. Mọi khoản thu, chi bằng tiền mặt phải đúng đối tượng và phải lập phiếu thu, phiếu chi. Nghiêm cấm hành vi thủ quỹ chi tiền mặt khi chưa có phiếu chi.

- Bảo quản an toàn tiền mặt tại quỹ. Kết đọng tiền phải để tại nơi an toàn, đảm bảo phòng cháy chữa cháy tốt, tránh ẩm mốc, nước tràn,... Khi tiền mặt tồn quỹ bị mất trộm phải lập ngay biên bản đồng thời báo cáo với cơ quan Công an và lãnh đạo Công ty.

- Tiến hành kiểm quỹ tiền mặt đột xuất ít nhất một lần hàng tháng.

- Khi kết thúc tháng, quý, năm, các đơn vị phải tiến hành kiểm quỹ tiền mặt, lập biên bản và đối chiếu số liệu giữa thực tế và sổ sách.

Điều 21. Quản lý tiền gửi ngân hàng

- Công ty được phép chủ động mở một hay nhiều tài khoản giao dịch (VNĐ, ngoại tệ) tại các ngân hàng để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị mình.

- Phòng Tài chính - Kế toán phải chịu trách nhiệm về việc mở tài khoản giao dịch của Công ty. Trước khi mở tài khoản, phải đánh giá khả năng quản lý của mình, đồng thời xem xét để lựa chọn ngân hàng có khả năng đáp ứng tốt nhu cầu giao dịch và bảo toàn tiền gửi cho Công ty.

- Hàng ngày, Phòng Tài chính - Kế toán có nhiệm vụ phân công cán bộ, công nhân viên liên hệ với ngân hàng rút sổ phụ để kiểm soát được dòng tiền của các chủ đầu tư chuyển trả trong thi công xây dựng và các sản phẩm công ích.

- Phòng Tài chính - Kế toán tham mưu cho Giám đốc việc rút tiền để chuyển trả cho các Đội thi công đúng công trình, đúng phần trăm khoán đã duyệt.

CHƯƠNG IV

QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Điều 22. Quản lý doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính, doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập hợp pháp khác.

- Toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ phải có các hóa đơn, chứng từ hợp lệ chứng minh và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của đơn vị và Công ty theo chế độ kế toán hiện hành.

- Việc xác định doanh thu, chi phí, giá thành, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nghĩa vụ nộp thuế thực hiện theo pháp luật thuế và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 23. Chi phí hoạt động kinh doanh.

- Chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm: Chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí lưu thông, chi phí hoạt động tài chính và các chi phí khác.

- Công ty phải xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật ngành nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị của đơn vị. Các định mức phải được phổ biến đến tận người thực hiện, công bố công khai cho người lao động trong Công ty biết để thực hiện và kiểm tra, giám sát.

- Phải định kỳ tổ chức phân tích chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành từng sản phẩm nhằm phát hiện những khâu yếu, kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí, làm tăng giá thành sản phẩm để có giải pháp khắc phục kịp thời.

- Giám đốc có trách nhiệm xây dựng trình Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật ; định mức lao động ; định mức chi phí tài chính và chi phí khác phù hợp với điều kiện kinh doanh, làm căn cứ điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Chủ động xây dựng kế hoạch tiết giảm chi phí phù hợp với thực trạng và hoạt động của công ty.

- Việc ghi nhận chi phí phát sinh phải đảm bảo chế độ kế toán hiện hành và theo quy định về chi phí của Công ty.

Điều 24. Lợi nhuận thực hiện

- Lợi nhuận thực hiện là kết quả kinh doanh của Công ty sau một kỳ hoạt động. Lợi nhuận thực hiện được xác định theo công thức:

Lợi nhuận thực hiện trong kỳ = Tổng doanh thu thuần trong kỳ + Thu nhập khác trong kỳ - Tổng chi phí trong kỳ

- Việc xác định lợi nhuận phải tuân thủ các nguyên tắc của chế độ kế toán hiện hành.

CHƯƠNG V

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

Điều 25. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ.

Lợi nhuận của Công ty sau khi bù lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

1. Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo qui định của hợp đồng (nếu có).

2. Bù đắp lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.

3. Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các nội dung được qui định tại các khoản 1 và 2 Điều này được phân phối như sau :

a. Trích 30% vào Quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

b. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:

- Công ty xếp loại A được trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện cho Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi.

- Công ty xếp loại B được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện cho Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi.

- Công ty xếp loại C được trích tối đa không quá 01 tháng lương thực hiện cho Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi.

- Công ty không thực hiện xếp loại theo qui định thì không được trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi.

c. Trích Quỹ thưởng Viên chức quản lý công ty, cụ thể như sau :

- Công ty xếp loại A được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của Viên chức quản lý công ty.

- Công ty xếp loại B được trích tối đa không quá 1 tháng lương thực hiện của Viên chức quản lý công ty.

- Công ty xếp loại C hoặc Công ty không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng Viên chức quản lý công ty.

d. Công ty trích hai quỹ khen thưởng, phúc lợi mà không đủ mức theo qui định tại điểm b điều này, thì được giảm trừ phần trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi nhưng tối đa không vượt quá mức trích vào quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

đ. Số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập theo qui định tại điểm a, b, c, d khoản này được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

Điều 26. Mục đích sử dụng các quỹ của Công ty.

1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Công ty :

Việc trích lập, quản lý, quyết toán việc sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của công ty theo hướng dẫn của Bộ Tài chính

2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vào vốn điều lệ của Công ty.
3. Quỹ khen thưởng được dùng để:
 - a. Thưởng định kỳ, thưởng cuối năm trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi CBCNV trong Công ty.
 - b. Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty.
 - c. Thưởng cho những cá nhân và đơn vị bên ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

Mức thưởng theo qui định tại các điểm a, b, c khoản này do Giám đốc Công ty quyết định. Riêng điểm a khoản này cần có ý kiến của Công đoàn Công ty trước khi quyết định.

4. Quỹ phúc lợi được dùng để:
 - a. Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi chung của Công ty.
 - b. Chi cho các hoạt động phúc lợi của tập thể người lao động trong Công ty.
 - c. Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.
 - d. Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn cho người lao động kể cả những trường hợp đã nghỉ hưu, mất sức lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn Công ty.

5. Quỹ thưởng Viên chức quản lý Công ty được sử dụng để thưởng cho Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc Công ty, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng công ty. Mức thưởng do chủ sở hữu quyết định gắn với tiêu chí đánh giá các chức danh này và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

6. Việc trích lập và sử dụng các Quỹ nói trên phải được chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở Công ty và quy định của Nhà nước.

7. Công ty chỉ được chi các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Viên chức quản lý Công ty sau khi thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN

Điều 27. Kế hoạch tài chính

- Căn cứ vào định hướng chiến lược, qui hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty đã được chủ sở hữu phê duyệt, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp với kế hoạch định hướng của Công ty đã được chủ sở hữu quyết định.

- Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực hiện có của Công ty và nhu cầu thị trường, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo trình Hội đồng thành viên quyết định.

- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Hội đồng thành viên quyết định, Công ty thực hiện đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính của năm tiếp theo gửi cho chủ sở hữu và cơ quan Tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

Điều 28. Chế độ kế toán thống kê và kiểm toán

- Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán, thống kê theo đúng pháp luật kế toán thống kê hiện hành;

- Công ty thực hiện việc lập, nộp, công khai báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng năm theo quy định của pháp luật;

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm dương lịch và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm;

- Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam và kết quả kiểm toán phải báo cáo Hội đồng thành viên.

- Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải hoàn tất việc lập Báo cáo tài chính và gửi báo cáo tài chính tới các cơ quan quản lý có liên quan; đồng thời ký hợp đồng với công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính.

Điều 29. Báo cáo tài chính và các báo cáo khác

- Cuối kỳ kế toán, Công ty phải lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê theo qui định của pháp luật. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

- Công ty có trách nhiệm lập và gửi các báo cáo sau: báo cáo tài chính quý, năm; báo cáo tình hình đầu tư tài chính; báo cáo giám sát và đánh giá hiệu quả của Công ty; báo cáo công khai tình hình tài chính; báo cáo tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động; báo cáo tình hình phân phối lợi nhuận sau thuế; báo cáo quyết toán tiền lương...

- Các báo cáo trên, Công ty phải gửi cho chủ sở hữu và các cơ quan tài chính có liên quan. Thời hạn gửi báo cáo trên được gửi mỗi năm một lần cùng thời điểm với báo cáo quyết toán theo qui định. Thời gian gửi báo cáo quý thực hiện theo qui định hiện hành.

- Công ty chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan tài chính có thẩm quyền đối với công tác tài chính của Công ty theo qui định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 30. Các hình thức đầu tư vào doanh nghiệp khác.

- Trong quá trình hoạt động tùy theo nhu cầu hoạt động kinh doanh, Công ty có thể đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác.

- Các hình thức đầu tư vào các doanh nghiệp khác:

+ Góp vốn liên doanh.

+ Góp vốn thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn.

+ Góp vốn thành lập công ty cổ phần, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

+ Các hình thức đầu tư khác theo qui định của pháp luật.

Điều 31. Vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác

- Vốn của Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác bao gồm:

+ Vốn bằng tiền, giá trị tài sản thuộc sở hữu Công ty được Công ty góp vào doanh nghiệp khác.

+ Vốn do Công ty vay để đầu tư.

+ Lợi tức từ vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác.

+ Các loại vốn khác.

- Thẩm quyền quyết định góp vốn của Công ty vào doanh nghiệp khác theo điều lệ của Công ty.

Điều 32. Chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

Việc nhượng bán các khoản đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp thực hiện theo qui định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các qui định hiện hành của pháp luật, trong đó:

1. Phương thức chuyển nhượng:

Tùy theo hình thức góp vốn, doanh nghiệp thực hiện chuyển nhượng các khoản đầu tư phù hợp với qui định của pháp luật, điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp và các cam kết tại các hợp đồng hợp tác kinh doanh của các bên.

a. Đối với việc chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên để trở thành công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều thành viên thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc chuyển nhượng vốn phải phản ánh đầy đủ giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất giao theo qui định của pháp luật.

b. Đối với chuyển nhượng các khoản đầu tư tại công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM thì doanh nghiệp được chủ động thực hiện theo các phương thức khớp lệnh, đấu giá, thỏa thuận hoặc chào bán cạnh tranh nhưng không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán.

c. Đối với chuyển nhượng các khoản đầu tư tại công ty cổ phần chưa niêm yết thì doanh nghiệp thực hiện đấu giá trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo tồn vốn. Trong đó:

Trường hợp chuyển nhượng các khoản đầu tư có giá trị tính theo mệnh giá từ 10 tỷ đồng trở lên thì doanh nghiệp phải thực hiện đấu giá qua Sở Giao dịch chứng khoán. Chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính có giá trị tính theo mệnh giá dưới 10 tỷ đồng thì doanh nghiệp được lựa chọn thuê tổ chức tài chính trung gian (các công ty chứng khoán) bán đấu giá, hoặc tự tổ chức đấu giá tại doanh nghiệp hoặc thực hiện đấu giá qua Sở giao dịch chứng khoán.

Việc bán thỏa thuận chỉ được thực hiện sau khi tổ chức đấu giá công khai nhưng chỉ có một người đăng ký mua và phải đảm bảo giá bán sát thị trường tại thời điểm bán; trong trường hợp này, giá thị trường tại thời điểm bán căn cứ vào báo giá của ít nhất 03 công ty chứng khoán có thực hiện giao dịch chứng khoán của công ty cổ phần có vốn góp của doanh nghiệp. trường hợp không có giao dịch thì giá bán không thấp hơn giá ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp.

2. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định việc chuyển nhượng các khoản đầu tư tại doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của mình theo qui định của pháp luật, giá chuyển nhượng các khoản đầu tư theo nguyên tắc giá thị trường nhưng không thấp hơn giá ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp.

3. Trường hợp khi chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp nhưng thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp (sau khi đã bù trừ dự phòng tổn thất khoản đầu tư vốn theo qui định và các lợi ích thu được từ đầu tư vốn), doanh nghiệp phải báo cáo chủ sở hữu xem xét, quyết định.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Xử lý vi phạm quy chế quản lý tài chính

Đơn vị, cá nhân nào có hành vi vi phạm Quy chế quản lý tài chính của Công ty sẽ bị xử lý theo qui định của Công ty và pháp luật.

Điều 34. Tổ chức thực hiện

Quy chế quản lý tài chính này quy định cụ thể về việc quản lý tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè, việc tổ chức thực hiện các quy định về phân cấp quản lý tài chính phải dựa trên những quy định của pháp luật hiện hành và các quy chế khác của Công ty có liên quan.

Quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng thành viên ký quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần bổ sung, sửa đổi, Giám đốc trình Hội đồng thành viên Công ty xem xét quyết định. /.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY
CHỦ TỊCH



Phan Thanh Sơn